

## KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG I GIẢI TÍCH 12

### ĐỀ SỐ 1

**Câu 1.** Hàm số  $y = \frac{x^2 - 2x}{x - 1}$  đồng biến trên khoảng.

- A.  $(-\infty; 1) \cup (1; +\infty)$       B.  $(0; +\infty)$       C.  $(-1; +\infty)$       D.  $(1; +\infty)$

**Câu 2.** Cho hàm số  $f(x) = \frac{x^4}{4} - 2x^2 + 6$ . Hàm số đạt cực đại tại

- A.  $x = -2$       B.  $x = 2$       C.  $x = 0$       D.  $x = 1$

**Câu 3.** Giá trị lớn nhất của hàm số  $y = f(x) = x^3 - 3x^2 + 5$  trên đoạn  $[1; 4]$

- A.  $y = 5$       B.  $y = 1$       C.  $y = 3$       D.  $y = 21$

**Câu 4.** Cho hàm số  $y = \frac{2x - 3}{1 + x}$ , Hàm có có TCD, Và TCN lần lượt là

- A.  $x = 2; y = -1$       B.  $x = -1; y = 2$       C.  $x = -3; y = -1$       D.  $x = 2; y = 1$

**Câu 5.** Cho hàm số  $y = x^3 + 3x^2 + mx + m$ . Tìm tất cả giá trị  $m$  để hàm số luôn đồng biến /TXĐ.

- A.  $m > 3$       B.  $m < 3$       C.  $m \geq 3$       D.  $m \leq 3$

**Câu 6.** Cho hàm số  $y = \frac{3x^2 + 10x + 20}{x^2 + 2x + 3}$ . Gọi GTLN là M, GTNN là m. Tìm GTLN và GTNN.

- A.  $M = 7; m = \frac{5}{2}$       B.  $M = 3; m = \frac{5}{2}$       C.  $M = 17; m = 3$       D.  $M = 7; m = 3$

**Câu 7.** Số điểm cực đại của hàm số  $y = x^4 + 100$

- A. 0      B. 1      C. 2      D. 3

**Câu 8.** Giá lớn nhất trị của hàm số  $y = \frac{4}{x^2 + 2}$  là:

- A. 3      B. 2      C. -5      D. 10

**Câu 9.** Với giá trị nào của  $m$ , hàm số  $y = \frac{x^2 + (m+1)x - 1}{2 - x}$  nghịch biến trên TXĐ của nó?

- A.  $m = -1$       B.  $m > 1$       C.  $m \in (-1; 1)$       D.  $m \leq \frac{-5}{2}$

**Câu 10.** Cho hàm số  $y = \frac{1}{3}x^3 - 2x^2 + 3x + 1$  (C). Tìm phương trình tiếp tuyến của đồ thị (C), biết tiếp tuyến đó song song với đường thẳng  $y = 3x - 1$

- A.  $y = 3x + 1$       B.  $y = 3x - \frac{29}{3}$       C.  $y = 3x + 20$       C. Câu A và B đúng

**Câu 11.** Hàm số  $y = \sin x - x$

- A. Đồng biến trên  $\mathbb{R}$       B. Đồng biến trên  $(-\infty; 0)$   
C. Nghịch biến trên  $\mathbb{R}$       D. NB trên  $(-\infty; 0)$  và ĐB trên  $(0; +\infty)$

**Câu 12.** Số điểm cực trị hàm số  $y = \frac{x^2 - 3x + 6}{x - 1}$

- A. 0      B. 2      C. 1      D. 3

**Câu 13.** Giá trị nhỏ nhất của hàm số  $y = 3\sin x - 4\cos x$

- A. 3      B. -5      C. -4      D. -3

**Câu 14.** Đồ thị hàm số  $y = \frac{x - 2}{2x + 1}$

- A. Nhận điểm  $I\left(-\frac{1}{2}; \frac{1}{2}\right)$  là tâm đối xứng      B. Nhận điểm  $I\left(-\frac{1}{2}; 2\right)$  là tâm đối xứng  
C. Không có tâm đối xứng      D. Nhận điểm  $I\left(\frac{1}{2}; \frac{1}{2}\right)$  là tâm đối xứng

**Câu 15.** Gọi (C) là đồ thị hàm số  $y = \frac{x^2 + x + 2}{-5x^2 - 2x + 3}$

- A. Đường thẳng  $x = 2$  là TCD của (C).      B. Đường thẳng  $y = x - 1$  là TCX của (C).  
C. Đường thẳng  $y = -\frac{1}{5}$  là TCN của (C).      D. Đường thẳng  $y = -\frac{1}{2}$  là TCN của (C).

**Câu 16.** Tìm m để hàm số  $y = \frac{1}{3}x^3 - mx^2 + (m^2 - m + 1)x + 1$  đạt cực đại tại  $x = 1$ .

- A.  $m = 1$       B.  $m = 2$       C.  $m = -1$       D.  $m = -2$

**Câu 17.** Tìm m để phương trình  $x^4 - 2x^2 - 1 = m$  có đúng 3 nghiệm

- A.  $m = -1$       B.  $m = 1$       C.  $m = 0$       D.  $m = 3$

**Câu 18.** Cho hàm số  $y = \frac{x + 3}{x + 1}$  (C). Tìm m để đường thẳng  $d: y = 2x + m$  cắt (C) tại 2 điểm M, N sao cho độ dài MN nhỏ nhất

- A.  $m = 1$       B.  $m = 2$       C.  $m = 3$       D.  $m = -1$

**Câu 19.** Cho hàm số  $y = \frac{1}{3}x^3 - mx^2 - x + m + 1$ . Tìm  $m$  để hàm số có 2 cực trị tại A, B

thỏa mãn  $x_A^2 + x_B^2 = 2$ :

- A.  $m = \pm 1$       B.  $m = 2$       C.  $m = \pm 3$       D.  $m = 0$

**Câu 20.** Hệ số góc của tiếp tuyến của đồ thị hàm số  $y = \frac{x-1}{x+1}$  tại giao điểm của đồ thị hàm số với trục tung bằng.

- A. -2      B. 2      C. 1      D. -1

**Câu 21.** Cho hàm số  $y = x^3 - 3x + 2$  (C). Tìm phương trình tiếp tuyến của đồ thị (C), biết tiếp tuyến đó đi qua  $A(-1; -2)$

- A.  $y = 9x + 7; y = -2$       B.  $y = 2x; y = -2x - 4$   
C.  $y = x - 1; y = 3x + 2$       D. Đáp án khác.

**Câu 22.** Tìm  $m$  để phương trình  $x^3 + 3x^2 - 2 = m + 1$  có 3 nghiệm phân biệt.

- A.  $-2 < m < 0$       B.  $-3 < m < 1$       C.  $2 < m < 4$       D.  $0 < m < 3$

**Câu 23.** Tìm  $m$  để phương trình  $2x^3 + 3x^2 - 12x - 13 = m$  có đúng 2 nghiệm.

- A.  $m = -20; m = 7$       B.  $m = -13; m = 4$       C.  $m = 0; m = -13$       D.  $m = -20; m = 5$

**Câu 24.** Cho hàm số  $y = \frac{1}{3}x^3 - mx^2 + (m^2 - m + 1)x + 1$ . Tìm  $m$  để hàm số có 2 cực trị tại A và B sao cho  $(x_A + x_B) \cdot (x_A - x_B) = 1$

- A.  $m = \pm 1$       B.  $m = \pm 3$       C.  $m = \pm \frac{1}{2}$       D. không có  $m$ .

**Câu 25.** Cho hàm số  $y = -\frac{1}{3}x^3 + 4x^2 - 5x - 17$  (C). Phương trình  $y' = 0$  có 2 nghiệm  $x_1, x_2$  khi đó  $x_1 \cdot x_2 = ?$

- A. 5      B. 8      C. -5      D. -8

**Câu 26.** Đường thẳng  $y = 3x + m$  là tiếp tuyến của đường cong  $y = x^3 + 2$  khi  $m$  bằng

- A. 1 hoặc -1      B. 4 hoặc 0      C. 2 hoặc -2      D. 3 hoặc -3

### Trả lời trắc nghiệm

1.....;2.....;3.....;4.....;5.....;6.....;7.....;8.....;9.....;10.....;11.....;12.....;13.....;14.....

15.....;16.....;17.....;18.....;19.....;20.....;21.....;22.....;23.....;24.....;25.....;26.....

## KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG I GIẢI TÍCH 12

### ĐỀ SỐ 2

**Câu 1.** Tập xác định của hàm số  $y = \frac{2x^2 - 3x}{1 + x^2}$

- A.  $D = \mathbb{R}$       B.  $D = \mathbb{R} \setminus \{0\}$       C.  $D = \mathbb{R} \setminus \{-1; 1\}$       D.  $D = \mathbb{R} \setminus \left\{0; \frac{3}{2}\right\}$

**Câu 2.** Cho hàm số  $y = \sqrt{x^2 - 2mx - 3m}$ . Để hàm số có TXĐ là  $\mathbb{R}$  thì các giá trị của m là:

- A.  $m < 0, m > 3$       B.  $0 < m < 3$       C.  $m < -3; m > 0$       D.  $-3 \leq m \leq 0$

**Câu 3.** Cho hàm số  $y = -x^2 + 2$ . Câu nào sau đây đúng

- A. Hàm số đạt cực đại tại  $x = 0$       B. Hàm số đạt CT tại  $x = 0$   
C. Hàm số không có cực đại      D. Hàm số luôn nghịch biến.

**Câu 4.** Cho hàm số  $f(x) = \frac{x^4}{4} - 2x^2 + 6$ . Giá trị cực đại của hàm số là

- A.  $f_{CD} = 6$       B.  $f_{CD} = 2$       C.  $f_{CD} = 20$       D.  $f_{CD} = -6$

**Câu 5.** Cho hàm số  $y = x^3 - mx^2 + \left(m - \frac{2}{3}\right)x + 5$ . Tìm m để hàm số đạt cực tiểu tại  $x = 1$

- A.  $m = \frac{2}{5}$       B.  $m = \frac{7}{3}$       C.  $m = \frac{3}{7}$       D.  $m = 0$

**Câu 6.** Giá trị lớn nhất của hàm số  $y = 4x^3 - 3x^4$  là

- A.  $y = 1$       B.  $y = 2$       C.  $y = 3$       D.  $y = 4$

**Câu 7.** Trong số các hình chữ nhật có chu vi 24cm. Hình chữ nhật có diện tích lớn nhất là hình có diện tích bằng.

- A.  $S = 36 \text{ cm}^2$       B.  $S = 24 \text{ cm}^2$       C.  $S = 49 \text{ cm}^2$       D.  $S = 40 \text{ cm}^2$

**Câu 8.** Trong các hàm số sau, hàm số nào có tiệm cận đứng  $x = -3$

- A.  $y = \frac{-3x+3}{x-5}$       B.  $y = \frac{2x-1}{3+x}$       C.  $y = \frac{-3x^2+2x}{x^2+3}$       D.  $y = \frac{-3x+3}{x+2}$

**Câu 9.** Cho hàm số  $y = \frac{-2x+3}{x+5}$  có tâm đối xứng là:

- A.  $I(-5;-2)$       B.  $I(-2;-5)$       C.  $I(-2;1)$       D.  $I(1;-2)$

**Câu 10** Hàm số  $y = x^4 - 2x^2 - 3$  có

- A. 3 cực trị với 1 cực đại      B. 3 cực trị với 1 cực tiểu  
C. 2 cực trị với 1 cực đại      D. 2 cực trị với

1 cực tiểu.

**Câu 11.** Cho hàm số  $y = x^4 - 2x^2 + 3$ . Gọi GTLN là M, GTNN là m. Tìm GTLN và GTNN trên  $[-3;2]$ : A.  $M = 11; m = 2$       B.  $M = 66; m = -3$       C.  $M = 66; m = 2$       D.  $M = 3; m = 2$

**Câu 12.** Cho hàm số  $y = \frac{x+1}{x-1}$  (C). Trong các câu sau, câu nào đúng.

- A. Hàm số có TCN  $x=1$       B. Hàm số đi qua  $M(3;1)$   
C. Hàm số có tâm đối xứng  $I(1;1)$       D. Hàm số có TCN  $x=-2$

**Câu 13.** Số điểm cực trị của hàm số  $y = -\frac{1}{3}x^3 - x + 7$  là.

- A. 1      B. 0      C. 2      D. 3

**Câu 14.** Tiếp tuyến tại điểm cực tiểu của đồ thị hàm số  $y = \frac{1}{3}x^3 - 2x^2 + 3x - 5$

- A. song song với đường thẳng  $x=1$       B. song song với trục hoành  
C. Có hệ số góc dương      D. Có hệ số góc bằng -1

**Câu 15.** Hàm số  $y = \frac{-x^4}{2} + 1$  đồng biến trên khoảng

- A.  $(-\infty;0)$       B.  $(1;+\infty)$       C.  $(-3;4)$       D.  $(-\infty;1)$

**Câu 16.** Cho hàm số  $y = \frac{x-2}{x+3}$

- A. Hs đồng biến trên TXĐ      B. Hs đồng biến trên khoảng  $(-\infty;\infty)$   
C. Hs nghịch biến trên TXĐ      C. Hs nghịch biến trên khoảng  $(-\infty;\infty)$

**Câu 17.** Số giao điểm của đồ thị hàm số  $y = (x-3)(x^2 + x + 4)$  với trục hoành là:

- A. 2      B. 3      C.0      D.1

**Câu 18.** Hàm số  $f(x) = \frac{x^3}{3} - \frac{x^2}{2} - 6x + \frac{3}{4}$

A. Đồng biến trên  $(-2;3)$

B. Nghịch biến trên khoảng  $(-2;3)$

C. Nghịch biến trên khoảng  $(-\infty;-2)$

D. Đồng biến trên khoảng  $(-2;+\infty)$

**Câu 19.** Hàm số  $y = x^4 - 4x^3 - 5$

A. Nhận điểm  $x = 3$  làm điểm cực tiểu

B. Nhận điểm  $x = 0$  làm điểm cực đại

C. Nhận điểm  $x = 3$  làm điểm cực đại

D. Nhận điểm  $x = 0$  làm điểm cực tiểu

**Câu 20.** Hàm số  $y = x - \sin 2x + 3$

A. Nhận điểm  $x = -\frac{\pi}{6}$  làm điểm cực tiểu

B. Nhận điểm  $x = \frac{\pi}{2}$  làm điểm cực đại

C. Nhận điểm  $x = -\frac{\pi}{6}$  làm điểm cực đại

D. Nhận điểm  $x = -\frac{\pi}{2}$  làm điểm cực tiểu

**Câu 21.** Giá trị lớn nhất của hàm số  $f(x) = \sqrt{-x^2 - 2x + 3}$

A. 2

B.  $\sqrt{2}$

C. 0

D. 3

**Câu 22.** Các đồ thị của hai hàm số  $y = 3 - \frac{1}{x}$  và  $y = 4x^2$  tiếp xúc với nhau tại điểm M có hoành độ là.

A.  $x = -1$

B.  $x = 1$

C.  $x = 2$

D.  $x = \frac{1}{2}$

**Câu 23.** Đồ thị hàm số  $y = \frac{9(x^2 + 1)(x + 1)}{3x^2 - 7x + 2}$

A. Nhận đường thẳng  $x = \frac{1}{3}$  làm TCD

B. Nhận đường thẳng  $x = 2$  làm TCD

C. Nhận đường thẳng  $y = 0$  làm TCN

D. Nhận đường thẳng  $x = 2; x = \frac{1}{3}$  làm TCD

**Câu 24.** Hai tiếp tuyến của parabol  $y = x^2$  đi qua điểm  $(2;3)$  có các hệ số góc là

A. 2 hoặc 6

B. 1 hoặc 4

C. 0 hoặc 3

D. -1 hoặc 5

**Câu 25.** Giá trị lớn nhất của hàm số  $y = \frac{\sin x + 1}{\sin^2 x + \sin x + 1}$

A.  $y = 1$

B.  $y = 2$

C.  $y = -1$

D.  $y = \frac{3}{2}$

**Câu 26.** Cho hàm số  $y = \frac{2x-3}{x-2}$  có đồ thị (C). Tìm trên (C) những điểm M sao cho tiếp tuyến tại M của (C) cắt hai tiệm cận của (C) tại A, B sao cho AB ngắn nhất.

A.  $\left(0; \frac{3}{2}\right); (1; -1)$

B.  $\left(-1; \frac{5}{3}\right); (3; 3)$

C.  $(3; 3); (1; 1)$

D.  $\left(4; \frac{5}{2}\right); (3; 3)$

**Trả lời trắc nghiệm**

1.....;2.....;3.....;4.....;5.....;6.....;7.....;8.....;9.....;10.....;11.....;12.....;13.....;14.....  
15.....;16.....;17.....;18.....;19.....;20.....;21.....;22.....;23.....;24.....;25.....;26.....

**KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG I GIẢI TÍCH 12**

**ĐỀ SỐ 3**

**Câu 1.** Hàm số  $y = x^3 - 3x^2 + 4$  đồng biến trên khoảng.

- A.  $(0; 2)$       B.  $(-\infty; 0), (2; +\infty)$       C.  $(-\infty; 1), (2; +\infty)$       D.  $(0; 1)$

**Câu 2.** Cho hàm số  $y = x^4 - 2x^2 + 2016$ . Hàm số có mấy cực trị.

- A. 1      B. 2      C. 3      D. 4

**Câu 3.** Cho hàm số  $y = \frac{x^2 + mx + 1}{x + m}$ . Tìm m để hàm số đạt cực đại tại  $x = 2$

- A.  $m = 3$       B.  $m = -3$       C.  $m = -1$       D.  $m = 1$

**Câu 4.** Giá trị nhỏ nhất của hàm số  $y = x + \frac{9}{x}$  ( $x > 0$ )

- A.  $y = 5$       B.  $y = 6$       C.  $y = 7$       D.  $y = 4$

**Câu 5.** Cho hàm số  $y = \frac{x-1}{x+2}$ . Trong các câu sau, câu nào sai.

- A.  $\lim_{x \rightarrow -2^+} y = -\infty$       B.  $\lim_{x \rightarrow -2^-} y = +\infty$       C. TCD  $x = 2$       D. TCN  $y = 1$

**Câu 6.** Cho hàm số  $y = \frac{3x-1}{x-3}$ . Gọi GTLN là M, GTNN là m. Tìm GTLN và GTNN trên  $[0; 2]$

- A.  $m = 1, M = 3$       B.  $m = \frac{1}{3}; M = -5$       C.  $m = -5; M = \frac{1}{3}$       D.  $m = 1; m = \frac{-2}{5}$

**Câu 7.** Cho hàm số  $y = \frac{x+1}{x-1}$  (C). Đồ thị (C) đi qua điểm nào?

- A.  $M(-5; 2)$       B.  $M(0; -1)$       C.  $M\left(-4; \frac{7}{2}\right)$       D.  $M(-3; 4)$

**Câu 8** Các điểm cực tiểu của hàm số  $y = x^4 + 3x^2 + 2$  là:

- A.  $x = -1$                       B.  $x = 5$                       C.  $x = 0$                       D.  $x = 1, x = 2$

**Câu 9.** Tọa độ giao điểm của đồ thị hàm số  $y = \frac{x^2 - 2x - 3}{x - 2}$  và  $y = x + 1$  là:

- A. (2;2)                      B. (2;-3)                      C. (-1;0)                      D. (3;1)

**Câu 10.** Hàm số  $f(x) = 6x^5 - 15x^4 + 10x^3 - 22$

- A. Nghịch biến trên  $\mathbb{R}$                       B. Đồng biến trên  $(-\infty; 0)$   
C. Đồng biến trên  $\mathbb{R}$                       D. Nghịch biến trên  $(0; 1)$

**Câu 11.** Hàm số  $f(x) = x^3 - 3x^2 - 9x + 11$

- A. Nhận điểm  $x = -1$  làm điểm cực tiểu                      B. Nhận điểm  $x = 3$  làm điểm cực đại  
C. Nhận điểm  $x = 1$  làm điểm cực đại                      D. Nhận điểm  $x = 3$  làm điểm cực tiểu

**Câu 12.** Số điểm cực trị hàm số  $y = x^4 - 2x^2 - 3$

- A. 0                      B. 1                      C. 3                      D. 2

**Câu 13.** Hàm số  $f(x)$  có đạo hàm là  $f'(x) = x^2(x+1)^2(2x-1)$ . Số điểm cực trị của hàm số là

- A. 1                      B. 2                      C. 0                      D. 3

**Câu 14.** Giá trị lớn nhất của hàm số  $y = -3\sqrt{1-x}$

- A. -3                      B. 1                      C. -1                      D. 0

**Câu 15.** Giá trị lớn nhất của hàm số  $f(x) = 2x^3 + 3x^2 - 12x + 2$  trên đoạn  $[-1; 2]$

- A. 6                      B. 10                      C. 15                      D. 11

**Câu 16.** Đồ thị hàm số  $y = x + \frac{1}{x-1}$

- A. Cắt đường thẳng  $y = 1$  tại hai điểm                      B. cắt đường thẳng  $y = 4$  tại hai điểm  
C. Tiếp xúc với đường thẳng  $y = 0$                       D. không cắt đường thẳng  $y = -2$

**Câu 17.** Số giao điểm của hai đường cong  $y = x^3 - x^2 - 2x + 3$  và  $y = x^2 - x + 1$

- A. 0                      B. 1                      C. 3                      D. 2

**Câu 18.** Gọi (C) là đồ thị hàm số  $y = \frac{2x^2 - 3x + 4}{2x + 1}$

- A. Đường thẳng  $x = -1$  là TCD của (C).                      B. Đường thẳng  $y = 1$  là TCN của (C).  
C. Đường thẳng  $x = 1$  là TCD của (C).                      D. Đường thẳng  $x = -\frac{1}{2}$  là TCD của (C).



**Câu 19.** Hàm số  $f(x)$  có đạo hàm là  $f'(x) = x^2(x+1)^2(x-2)^4$ . Số điểm cực tiểu của hàm số là

- A. 0                      B. 2                      C. 3                      D. 1

**Câu 20.** Đồ thị hàm số  $y = x^3 - 3x$  cắt

- A. Đường thẳng  $y = 3$  tại hai điểm                      B. Đường thẳng  $y = -4$  tại 2 điểm  
C. Đường thẳng  $y = \frac{5}{3}$  tại ba điểm                      D. Trục hoành tại một điểm.

**Câu 21.** Tiếp tuyến của parabol  $y = 4 - x^2$  tại điểm  $(1;3)$  tạo với hai trục tọa độ một tam giác vuông. Diện tích tam giác vuông đó là

- A.  $\frac{25}{4}$                       B.  $\frac{5}{4}$                       C.  $\frac{25}{2}$                       D.  $\frac{5}{2}$

**Câu 22.** Tìm  $m$  để hàm số  $y = x^4 - 2(m+1)x^2 + m$  có 3 cực trị.

- A.  $m > 2$                       B.  $m > -1$                       C.  $m < 0$                       D.  $m < -1$

**Câu 23.** Cho hàm số  $y = -x^3 + 3x^2 + 1$ . Phương trình tiếp tuyến tại điểm  $A(3;1)$

- A.  $y = -9x + 20$                       B.  $9x + y - 28 = 0$                       C.  $y = 9x + 20$                       D.  $9x - y + 28 = 0$

**Câu 24.** Hai tiếp tuyến của parabol  $y = x^2$  đi qua điểm  $(2;3)$  có các hệ số góc là

- A. 2 hoặc 6                      B. 1 hoặc 4                      C. 0 hoặc 3                      D. -1 hoặc 5

**Câu 25.** Tìm  $m$  để đường thẳng  $d: y = -x + m$  cắt đồ thị hàm số  $y = \frac{2x+1}{x-1}$  tại 2 điểm phân biệt.

- A.  $m \in (-\infty; 1) \cup (1; +\infty)$                       B.  $m \in (3 - 2\sqrt{3}; 3 + 2\sqrt{3})$   
C.  $m \in (-2; 2)$                       D.  $m \in (-\infty; 3 - 2\sqrt{3}) \cup (3 + 2\sqrt{3}; +\infty)$

**Câu 26.** Tìm  $m$  để đường thẳng  $(d): y = mx - 2m - 4$  cắt đồ thị (C) của hàm số  $y = x^3 - 6x^2 + 9x - 6$  tại ba điểm phân biệt

- A.  $m > -3$                       B.  $m > 1$                       C.  $m < -3$                       D.  $m < 1$

### Trả lời trắc nghiệm

1.....;2.....;3.....;4.....;5.....;6.....;7.....;8.....;9.....;10.....;11.....;12.....;13.....;14.....  
15.....;16.....;17.....;18.....;19.....;20.....;21.....;22.....;23.....;24.....;25.....;26.....

Đáp Án:

Đề số 1 :

1A;2C;3D;4B;5C;6A;7A;8B;9D;10C;11C;12B;13B;14A;15C;16B;17A;18C;19D;20B;21D,22B;23A;24C;25A;26B

Đề số 2

1A;2D;3A;4A;5B;6A;7A;8B;9A;10A;11C;12C;13B;14B;15A;16A;17D;18B;19A;20C;21A;22D;23D;24A;25A;26D.

Đề số 3

1B;2C;3B;4B;5C;6C;7B;8C;9C;10C;11D;12C;13A;14D;15C;16B;17C;18D;19A;20C;21C;22B;23B;24A;25D;26A.